



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ - VPCNCLQG
ngày tháng 12 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thử nghiệm - Công ty TNHH Bình Tiên Biên Hòa

Laboratory: Laboratory – Binh Tien Bien Hoa Co., Ltd

Tổ chức/ Cơ quan chủ quản: Công ty TNHH Bình Tiên Biên Hòa

Organization: Binh Tien Bien Hoa Co., Ltd

Số hiệu/ Code: VILAS 1609

Chuẩn mực công nhận/
Accreditation criteria ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực: Cơ

Field: Mechanical

Người quản lý/
Laboratory manager: Nguyễn Sông Thương

Hiệu lực công nhận/
Period of Validation: Kể từ ngày /12/2025 đến ngày /12/2030

Địa chỉ/ Address: Lô 101/2, Khu công nghiệp Amata, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai
Lot 101/2, Amata Industrial zone, Long Binh ward, Dong Nai province

Địa điểm/ Location: Lô 101/2, Khu công nghiệp Amata, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai
Lot 101/2, Amata Industrial zone, Long Binh ward, Dong Nai province

Điện thoại/ Tel: 0251 2061818/ 098 6644107

E-mail: lemanhha@bitis.com.vn

Website: bitis.com.vn

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS
VILAS 1609

Lĩnh vực: **Cơ**

Field: **Mechanical**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Vật liệu đế <i>Sole materials</i>	Xác định độ bền mài mòn sử dụng trống xoay tròn Phương pháp 1: chia khối lượng mất đi cho trung bình của nó <i>Determination of abrasion resistance using a rotating cylindrical drum device</i> <i>Method 1: dividing its mass loss by its average density</i>	-	SATRA TM174:2016
2.	Vật liệu da <i>Leather materials</i>	Xác định độ bền màu với ma sát <i>Determination of colour fastness to Rubbing</i>	1 ~ 5	SATRA TM167:2017
3.	Vật liệu có phủ PU <i>Synthetic leather materials</i>	Xác định độ bền xé rách Phương pháp xé rách ống quần <i>Determination of tear strength Trousers leg method</i>	Max 500 N	SATRA TM30:2017
4.	Vật liệu nhựa và cao su <i>Plastics and rubbers materials</i>	Xác định độ bền xé rách Phương pháp xé rách ống quần <i>Determination of tear strength of rubbers and plastics Trousers method</i>	Max 500 N	SATRA TM218:1999
5.	Vật liệu đế <i>Sole materials</i>	Xác định độ bền xé rách. Phương pháp split (Phương pháp 2) <i>Determination of split tear strength. Split method (method 2)</i>	Max 500 N	SATRA TM65:2021
6.	Vật liệu có phủ PU <i>Synthetic Leather Materials</i>	Xác định độ bền kéo đứt và độ giãn dài khi đứt <i>Determination of breaking strength and extension at break</i>	Max 500 N	SATRA TM29:2019
7.	Vật liệu da <i>Leather materials</i>	Xác định độ bền kéo đứt và độ giãn dài khi đứt <i>Determination of tensile strength and extension at break</i>	Max 500 N	SATRA TM43:2021
8.	Vật liệu nhựa và cao su <i>Plastics and rubbers materials</i>	Xác định độ bền kéo đứt <i>Determination of tensile strength at break</i>	Max 2000 N	SATRA TM137:2024

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1609**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
9.	Vật liệu đế <i>Sole materials</i>	Xác định đo độ cứng. Phương pháp Durometer (Loại Shore A, C) <i>Determination of Hardness. Durometer method (Type Shore A, C)</i>	-	SATRA TM205:2017
10.	Vật liệu có phủ PU <i>Synthetic leather Materials</i>	Độ bền uốn của vật liệu mặt trên Phương pháp máy uốn Bally <i>Determination of flexing resistance of upper materials Bally flexometer method</i>	-	SATRA TM55:1999
11.	Vật liệu vải, vải phủ <i>Fabrics, coated fabric</i>	Xác định khả năng chống mài mòn. Phương pháp Martindale <i>Determination of abrasion resistance. Martindale method</i>	-	SATRA TM31:2021
12.	Giày thành phẩm <i>Completed footwear</i>	Xác định độ bền bong tróc của các liên kết đế giày <i>Determination of peel strength of footwear sole bonds</i>	Max 500 N	SATRA TM411:2025
13.	Giày thành phẩm <i>Completed footwear</i>	Xác định độ bền bám dính (lực tách) của kết cấu đế giày <i>Determination of peel strength of bottom construction</i>	Max 500 N	SATRA TM281:2002
14.	Giày thành phẩm <i>Completed footwear</i>	Xác định khả năng chịu uốn cong <i>Determination of resistance of footwear to flexing</i>	-	SATRA TM92:2016
15.	Giày thành phẩm <i>Completed footwear</i>	Xác định độ bền nhiệt/lão hóa giữa các liên kết đế trong giày hoàn chỉnh <i>Determination of heat resistance/ heat ageing of solde bonds</i>	-	SATRA TM409:1993
16.	Vật liệu đế <i>Sole materials</i>	Xác định tỷ trọng của vật liệu <i>Determination of the density of materials</i>	-	SATRA TM134:2024

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1609

Ghi chú/ Notes:

- SATRA: Hiệp hội Nghiên cứu ngành Giày dép và các ngành liên quan/ *Shoe and Allied Trades Research Association*

Trường hợp Công ty TNHH Bình Tiên Biên Hòa cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty TNHH Bình Tiên Biên Hòa phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Binh Tien Bien Hoa Co., Ltd that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

